

Số: /QĐ-BNN-TL

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án thành phần số 06: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Vực Tròn, tỉnh Quảng Bình thuộc Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 3233/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước; số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023 của Bộ NN&PTNT về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;

Các văn bản của UBND tỉnh Quảng Bình: số 273/UBND-KT ngày 02/3/2022 về việc xin chủ trương thực hiện dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Vực Tròn; số 2078/UBND-KT ngày 07/11/2022 xác định nhiệm vụ cấp nước của hồ chứa nước Vực Tròn; số 729/UBND-KT ngày 20/4/2023 về việc sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ chứa nước Vực Tròn (thống nhất quy mô đầu tư);

Xét Tờ trình số 57/TTr-BQL2-KHĐT ngày 27/4/2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng thủy lợi II về việc thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi kèm theo kết quả thẩm tra của Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sao Mai - Công ty TNHH Hỗ trợ phát triển và Hội nhập toàn cầu - Trung tâm Tư vấn Khoa học công nghệ phát triển tài nguyên nước tại các báo cáo số 37/BCTT-SAMICO ngày 03/3/2023 của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Sao Mai;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 771/BC-TL-ATĐ ngày 23/6/2023 của Cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án thành phần số 06: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Vực Tròn, tỉnh Quảng Bình thuộc Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án thành phần: Dự án thành phần số 06: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Vực Tròn, tỉnh Quảng Bình.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2
- Giai đoạn thực hiện đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối hồ chứa nước Vực Tròn nhằm đảm bảo an toàn công trình đầu mối và hạ du; phát huy tối đa nhiệm vụ công trình, chủ động trong công tác quản lý vận hành và nâng cao khả năng ứng phó khi có tình huống khẩn cấp.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Viện Thủy công - Trung tâm Khoa học và Triển khai kỹ thuật Thủy lợi - Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam - Công ty TNHH Nam Việt - Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung - Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng An Thịnh.

6. Địa điểm xây dựng: Huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

7. Diện tích đất sử dụng: Không.

8. Loại, cấp công trình, chỉ tiêu thiết kế:

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Nhóm dự án thành phần: Dự án nhóm B.
- Cấp công trình, các chỉ tiêu thiết kế:
 - + Cấp công trình: Cấp II.
 - + Tần suất lũ thiết kế (%): 1,0%
 - + Tần suất lũ kiểm tra (%): 0,2%

10. Số bước thiết kế:

- Thiết kế 2 bước: - Thiết kế cơ sở
 - Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán

11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo NCKT, Báo cáo NCKT và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4118:2021 Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - nền các công trình thủy công - yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12571:2018 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8298:2009 Chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép của công trình thủy lợi;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9147:2012 Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4055:2012 Tổ chức thi công;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13615:2022 Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế.
- Các tiêu Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam liên quan khác.

11. Phương án xây dựng: Theo hình thức sửa chữa, nâng cấp. Cụ thể:

a) Đập Chính

- Gia cố mặt đập bằng bê tông M300 dày 20cm.
- Mái thượng lưu: Sắp xếp, chỉnh trang lại các vị trí đá lát hư hỏng cục bộ.
- Mái hạ lưu: Đắp áp trúc, làm hệ thống rãnh thoát nước mái đập bằng bê tông M200, khoảng cách giữa các ô rãnh (7x7)m. Trồng cỏ trên lớp đất màu trong ô rãnh thoát nước.
- Cải tạo lăng trụ tiêu nước thân đập.
- Xử lý chống thấm thân đập và nền đập bằng khoan phụt dung dịch vữa xi măng - sét tại những khu vực bị thấm.

b) Đập phụ Bắc

- Gia cố mặt đập bằng kết cấu mặt đường láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, tổng chiều dày lớp gia cố mặt đập 30,5cm.
- Mái thượng lưu: Chỉnh trang lại các vị trí đá lát hư hỏng cục bộ.
- Mái hạ lưu: Đắp áp trúc hạ lưu, làm hệ thống rãnh thoát nước mái đập, khoảng cách giữa các ô rãnh (7x7)m bằng bê tông M200. Trồng cỏ trên lớp đất màu trong ô rãnh thoát nước.

- Làm hệ thống thoát nước áp mái, cao trình đỉnh áp mái +17,5m.

c) Đập phụ Nam

- Gia cố mặt đập bằng kết cấu mặt đường láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, tổng chiều dày lớp gia cố mặt đập 30,5cm.

- Mái thượng lưu: Sắp xếp, chỉnh trang lại mái đã có, tạo phẳng bằng đá dăm lót và tầng lọc ngược, sau đó gia cố mái bằng các tấm bê tông cốt thép M250 kích thước 5x5 (m) dày 15cm và bố trí các lỗ thoát giảm áp lực nước khi mực nước hồ rút nhanh, dưới lót lớp vật liệu chống mất nước xi măng và tránh làm cứng hóa tầng lọc ngược. Hệ số mái thượng lưu $m_t=2,75$.

- Mái hạ lưu: Đắp áp trúc hạ lưu, làm hệ thống rãnh thoát nước mái đập, khoảng cách giữa các ô rãnh (7x7)m bằng bê tông M200. Trồng cỏ trên lớp đất màu trong ô rãnh thoát nước.

- Làm hệ thống thoát nước áp mái, cao trình đỉnh áp mái +13,0m.

- Gia cố mặt cơ đập rộng 3,0 m tại cao trình +13.00m, kết cấu bằng bê tông M300 dày 16cm trên lớp giấy dầu và móng cấp phối đá dăm dày 12cm.

d) Cổng lấy nước Bắc và Nam

Sửa chữa, nâng cấp công: Đoạn từ cửa vào đến nhà tháp giữ nguyên, thay mới lưới chắn rác. Đoạn từ sau cửa van về hạ lưu đặt ống thép trong lòng cống cũ, đổ bê tông lấp đầy khoảng trống giữa ống thép và cống cũ, lắp đặt van côn ở hạ lưu. Xây dựng nhà tháp van và điện khí hóa hệ thống vận hành. Kích thước:

- Cổng Bắc: Đường kính ống thép D800mm.
- Cổng Nam: Đường kính ống thép D1400mm.

e) Tràn xả lũ

Cải tạo, sửa chữa tràn chính có cửa van cung thành cửa van phẳng gồm 3 khoang với khẩu độ tràn $B_t = 3 \text{ khoang} \times 7\text{m} = 21\text{m}$.

- Cửa van: Thay thế cửa van cung (7x5,5)m đã bị hư hỏng bằng cửa van phẳng kích thước (7x5,9)m. Thay thế thiết bị vận hành cửa van, cửa phai sang điện khí hóa; làm nhà bảo quản phai thép; thay thế mới máy thả phai;

- Làm mới nhà vận hành cửa van bằng kết cấu chịu lực bê tông cốt thép.
- Sửa chữa gia cố hồ xói; cải tạo, kênh xả hạ lưu.
- Chống thấm nền tràn, hai bên mang tràn bằng khoan phụt dung dịch xi măng - sét.

g) Cổng xả, cống điều tiết

Tại lý trình K1 + 713,42 trên kênh chính Nam bố trí cổng xả và cống điều tiết bằng kết cấu BTCT điều tiết bằng cửa van phẳng.

h) Công trình phục vụ quản lý vận hành

- Đường quản lý:

Nâng cấp hệ thống đường quản lý kết nối đến các hạng mục công trình đầu mối với tổng chiều dài $L = 2,05\text{km}$, kết cấu mặt đường bằng kết cấu mặt đường láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tổng chiều dày lớp gia cố mặt đập 30,5cm.

- *Nhà quản lý:*

Xây mới nhà quản lý, diện tích xây dựng 171m², bao gồm các phòng chức năng, công trình phụ và phòng nghỉ cho cán bộ nhân viên. Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà quản lý bao gồm: hệ thống đường cống thoát nước, hồ ga; hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà; hệ thống sân đường, vỉa hè, bồn cây, tường rào, cổng và nhà để xe.

- *Hệ thống điện phục vụ quản lý, vận hành:*

+ Nâng cấp tuyến đường điện 22KV dây cáp bọc, cột BTLT cao 14m, chiều dài tuyến 1,3km;

+ Làm mới các tuyến đường điện 0,4KV phục vụ vận hành tràn xả lũ, đập phụ Bắc, đập phụ Nam, tổng chiều dài tuyến 1,1km.

+ Thay mới trạm biến áp (TBA) 250KVA đã hỏng sang TBA100 KVA.

+ Lắp đặt hệ thống tủ điện: Tủ điện tại trạm biến áp 31,5kVA (TBA tràn, TBA cống Nam, Bắc); tủ điện phân phối, điều khiển tại nhà vận hành cống Bắc, cống Nam.

+ Máy phát điện dự phòng.

12. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư được duyệt là: **123.010.000.000 đồng.**

(Một trăm hai mươi ba tỷ, không trăm mười triệu đồng)

TT	Nội dung	Thẩm định
A	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN	
	Theo Quyết định số 108/QĐ-BQL2-KHTĐ ngày 21/11/2022; VB số 67/BQL2-KHTĐ ngày 10/5/2022)	1.714.115.519
B	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN	121.296.771.000
1	Chi phí xây dựng	76.529.323.000
2	Chi phí thiết bị	18.967.654.000
3	Chi phí quản lý dự án	1.394.386.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	7.068.192.000
5	Chi phí khác	1.880.552.000
6	Chi phí dự phòng	15.456.664.000
	Tổng cộng (A+B)	123.010.000.000

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án:

- Chuẩn bị dự án: 2021 ÷ 2023.
- Thực hiện dự án: 2023 ÷ 2025.

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

16. Một số lưu ý trong giai đoạn thiết kế BVTC:

- Bổ sung đánh giá tổng lưu lượng thấm của các đập so với lưu lượng thấm theo tính toán điều tiết của hồ; xác định rõ phạm vi, mức độ thấm của đập để thiết kế xử lý chống thấm cho phù hợp;
- Bổ sung đánh giá thấm qua nền tràn xả lũ (thấm qua nền hay mặt tiếp xúc) để có giải pháp xử lý phù hợp bảo đảm an toàn công trình;
- Đối với đập chính, đập phụ Nam và đập phụ Bắc: Kiểm tra, rà soát kết quả tính toán ổn định và đánh giá thấm hiện trạng của đập; bổ sung tính toán thiết kế lớp gia cố mái thượng lưu đập phụ Nam để lựa chọn phương án sửa chữa, nâng cấp tối ưu;
- Kiểm tra, bổ sung hệ thống quan trắc công trình (thấm, chuyển vị); rà soát hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, hệ thống giám sát bảo đảm an toàn đập theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; rà soát, bổ sung các nội dung để đảm bảo mục tiêu chủ động trong công tác quản lý vận hành và nâng cao khả năng ứng phó khi có tình huống khẩn cấp (quy trình vận hành, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước, lập và lưu trữ hồ sơ theo quy định đối với hồ chứa lớn,...).
- Rà soát nội dung xử lý môi trường đảm bảo khối lượng, kinh phí thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.
- Rà soát, kiểm tra cân đối khối lượng đất đào, đắp, các phương án nguồn cung cấp vật liệu đất đắp để đảm bảo tiến độ của công trình.
- Khi lập biện pháp thi công, lưu ý giải pháp dẫn dòng phải phù hợp với điều kiện vừa thi công vừa phải phục vụ sản xuất của công trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện bảo đảm tiến độ của Dự án.

Thực hiện các nội dung nêu tại Văn bản số 4274/BN- TL ngày 29/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2

- Hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo Nghiên cứu khả thi theo nội dung được phê duyệt tại Quyết định này; chuyển giao tài liệu có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị dự án cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình để thực hiện các bước tiếp theo;

- Lập hồ sơ nghiệm thu, trình duyệt quyết toán và lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án theo đúng các quy định hiện hành.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành. Báo cáo UBND tỉnh để thực hiện các nội dung sửa chữa, nâng cấp hồ Vực Tròn theo các nội dung tại Văn bản số 4274/BNB-TL ngày 29/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

e) Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng các vụ Kế hoạch, Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- UBND tỉnh Quảng Bình;
- Sở NN&PTNT Quảng Bình;
- Kho bạc NN Quảng Bình;
- Công ty TNHH MTV
KTCTTL Quảng Bình;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TL.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TL ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Khoản mục chi phí	Chi phí sau thuế (đồng)
A	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN	
	Theo Quyết định số 108/QĐ-BQL2-KHTĐ ngày 21/11/2022; Văn bản số 67/BQL2-KHTĐ ngày 10/5/2022)	1.714.115.519
B	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN	121.296.771.000
I	Chi phí xây dựng	76.529.323.000
II	Chi phí thiết bị	18.967.654.000
III	Chi phí quản lý dự án	1.394.386.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	7.068.192.000
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bổ sung (TT)	500.000.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát (TT)	15.000.000
3	Chi phí tư vấn thiết kế BVTC-DT	2.842.317.242
4	Chi phí thiết kế thiết bị cơ khí thủy công	277.582.824
5	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC-DT	85.712.842
6	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	82.651.669
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.429.567.750
8	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị.	135.972.363
9	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng	20.360.000
10	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	
-	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá HSDT tư vấn khảo sát , tư vấn thiết kế BVTC	6.076.940
-	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	100.000.000
-	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp lắp đặt thiết bị	34.432.100
-	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu bảo hiểm công trình	2.000.000
-	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị	2.000.000
11	Chi phí kiểm định chất lượng công trình (theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra công tác nghiệm thu)	398.000.000
12	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng	136.517.771
13	Chi phí khảo sát xử lý môi (TT)	200.000.000
14	Các chi phí tư vấn khác (QTVH, CSDL,...)	800.000.000

STT	Khoản mục chi phí	Chi phí sau thuế (đồng)
V	Chi phí khác	1.880.552.000
1	Bảo hiểm công trình	763.735.822
3	Phí thẩm định thiết kế BVTC	50.787.641
4	Phí thẩm định dự toán	48.700.478
5	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	
-	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng</i>	100.000.000
-	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị</i>	18.967.654
-	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn</i>	3.342.317
-	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu bảo hiểm công trình</i>	2.000.000
-	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị</i>	2.000.000
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao công trình	271.617.872
7	Chi phí kiểm toán độc lập	477.682.182
8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	141.718.448
VI	Chi phí dự phòng	15.456.664.000
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh	10.584.010.700
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	4.872.653.759
	TỔNG CỘNG (A+B)	123.010.887.000
	LÀM TRÒN	123.010.000.000